

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH SƠN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2021

*“V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng,  
giải quyết về con chung, nợ chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Vũ Quang Khải.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Bà Lỗ Thị Quỳnh Nga.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị **Hà Thu H**, sinh năm 1984.

***HKTT:*** Xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Bị đơn:*** Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1980.

***HKTT:*** Xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà **Hà Thị Nh**, sinh năm 1971.

***Địa chỉ:*** Xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

2. Bà **Hà Ngọc A**, sinh năm 1969.

***Địa chỉ:*** Xóm Hà Biên, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

3. Ông **Bùi Văn Q**, sinh năm 1965.

***Địa chỉ:*** Xóm Rĩa 2, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

4. Anh **Đinh Văn C**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ.

(Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thu Hiền trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hiền kết hôn với anh Hà Văn Tuấn năm 2001, hai bên có đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (người trực tiếp làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị thời điểm đó chị không nhớ), sau khi làm thủ tục xong thì cán bộ xã có đưa giấy chứng nhận kết hôn để hai vợ chồng mang về nhà cất giữ. Tuy nhiên do thời gian đã lâu và quá trình quản lý, chuyển chỗ ở nên vợ chồng làm mất giấy chứng nhận kết hôn, chị có ra UBND xã Võ Miếu xin cấp trích lục kết hôn thì được cán bộ tư pháp xã trả lời sổ lưu đăng ký kết hôn năm 2001 không có tên vợ chồng anh chị, vì vậy chị Hiền không có giấy tờ gì để chứng minh việc vợ chồng đã đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh Tuấn một thời gian dài, đến năm 2008 vợ chồng được bố mẹ anh Tuấn cho mượn đất để làm nhà gỗ ra ở riêng, tự lập về kinh tế. Đến giữa năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong kinh tế gia đình, trong cách ăn ở, đối xử với nhau hàng ngày không được hòa hợp, tình cảm không được êm ấm từ đó dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, đánh nhau, vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng ngồi lại với nhau để nói chuyện, phân tích đúng sai nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng, không khắc phục được. Bố mẹ hai bên gia đình nội ngoại, khu dân cư cũng đã khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả gì. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay mỗi người một nơi, ai cũng có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị Hiền nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn có 02 con chung là cháu Hà Thị Huyền Chang, sinh ngày 28/11/2002 và cháu Hà Văn Kiên, sinh ngày 02/02/2006. Hiện nay cháu Chang đã thành niên, đi làm tự lo cuộc sống bản thân mình được. Khi ly hôn chị Hiền không có đề nghị gì đối với cháu Chang. Đối với cháu Kiên, khi ly hôn chị đồng ý để anh Tuấn là người được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, vì cháu đang ở với anh Tuấn đã

quen, việc học hành ổn định, chị không muốn việc vợ chồng ly hôn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian, mái lợp pro xi măng, xây dựng khoảng năm 2007 hoặc 2008, nhà và công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi làm trên đất của bố mẹ để anh Tuấn cho mượn, hiện nay anh Tuấn và con đang ở, quản lý, sử dụng. Khi ly hôn chị Hiền không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Hà Thu Hiền xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 chị Hà Thu Hiền trình bày về nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết mà để vợ chồng tự thống nhất với nhau. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Hiền và anh Tuấn không thống nhất được cách giải quyết về công nợ chung, anh Tuấn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về phần công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, chị Hiền cũng đồng ý giải quyết công nợ chung của vợ chồng. Chị Hà Thu Hiền xác định vợ chồng có các khoản nợ chung như sau: Nợ tiền mua cám lợn của bà Hà Thị Nhất, sinh năm 1971, địa chỉ: Xóm Rịa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ số tiền 16.600.000đ (Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Nợ tiền cám lợn chị Hà Ngọc Anh, sinh năm 1969, địa chỉ: Xóm Hà Biên, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Nợ tiền cám lợn ông Bùi Văn Quy, sinh năm 1965, địa chỉ: Xóm Rịa 2, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Nợ anh Đinh Văn Cần, sinh năm 1986, địa chỉ: Xóm Rịa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), thời gian vay năm 2020, anh Tuấn là người trực tiếp vay tiền, mục đích vay tiền là để trả khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thanh Sơn mà vợ chồng đã vay khi còn ở chung với nhau. Tổng số tiền mà vợ chồng nợ là: 66.600.000đ (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Khi ly hôn quan điểm của chị Hiền là tất cả các khoản nợ trên là nợ chung thì phải chia đôi, vợ chồng cùng có trách nhiệm mỗi người trả một nửa số nợ trên cho từng người, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Hà Văn Tuấn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian anh Tuấn kết hôn với chị Hà Thu Hiền, việc đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị Hiền trình bày là đúng, anh không có ý kiến gì. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, không chịu nhường

nhìn nhau, tình cảm cũng không được êm ấm từ đó dẫn đến thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc nóng giận anh Tuấn không kiềm chế được bản thân nên có những lời lẽ xúc phạm chị Hiền. Khi mâu thuẫn xảy ra thì hai bên cũng nói chuyện, phân tích đúng sai, chỉ ra nguyên nhân để tự sửa chữa, khắc phục nhưng không có kết quả gì, bố mẹ hai bên gia đình và khu dân cư cũng đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay mỗi người một nơi, ai cũng có cuộc sống, kinh tế độc lập không liên quan đến nhau. Nay chị Hiền có đơn xin ly hôn anh Tuấn đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh Tuấn có 02 con chung là cháu Hà Thị Huyền Chang, sinh ngày 28/11/2002 và cháu Hà Văn Kiên, sinh ngày 02/02/2006. Hiện nay cháu Chang đã thành niên, khi ly hôn anh Tuấn không có đề nghị gì đối với cháu Chang. Đối với cháu Kiên, khi ly hôn anh Tuấn xin được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị Hiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Hà Văn Tuấn xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian, mái lợp pro xi măng, xây dựng khoảng năm 2007 hoặc 2008, nhà và công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi làm trên đất của bố mẹ để anh Tuấn cho mượn, hiện nay anh Tuấn và con đang ở, anh cũng là người quản lý, sử dụng. Khi ly hôn anh Tuấn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Anh Hà Văn Tuấn xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì.

Về nợ chung: Anh Hà Văn Tuấn xác định vợ chồng có các khoản nợ chung như nội dung chị Hiền đã trình bày, tổng số nợ là 66.600.000đ (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Khi ly hôn quan điểm của anh Tuấn là các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng thì vợ chồng cùng có trách nhiệm mỗi người trả một nửa số nợ trên cho từng người, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Hà Thị Nhật trình bày: Vào năm 2016 vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn có mua cám lợn của gia đình bà về để chăn nuôi, anh chị có nhiều lần đến nhà bà để lấy cám lợn, thức ăn chăn nuôi, khi lấy cám lợn thì có đợt trả tiền ngay, có đợt thì nợ lại, việc nợ tiền cám bà có sổ sách theo dõi (tờ giấy theo dõi nợ bản chính bà đã nộp cho Tòa án), đến ngày 28/12/2016 chị Hiền chốt sổ với bà còn nợ số tiền 16.600.000đ (Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Nay chị Hiền,

anh Tuấn ly hôn quan điểm của bà là anh chị đều phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ, bà không yêu cầu anh chị phải trả lãi đối với số tiền trên.

Bà Hà Ngọc Anh trình bày: Vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn có mua cám lợn của gia đình bà từ năm 2015, anh chị lấy cám lợn vào nhiều đợt khác nhau, có lần trả tiền ngay, có lần thì nợ lại, bà có sổ sách theo dõi (sổ theo dõi nợ của bà rất nhiều khách hàng, vì vậy bà cung cấp bản phô tô cho Tòa án), đến nay vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn còn nợ số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Nay anh chị ly hôn, quan điểm của bà là do vợ chồng anh Tuấn khó khăn nên bà cho 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà chỉ yêu cầu vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn phải trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà không yêu cầu trả lãi đối với số tiền trên.

Ông Bùi Văn Quy trình bày: Ông không nhớ rõ năm nào nhưng vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn có mua cám lợn của gia đình ông về để chăn nuôi, anh chị lấy cám lợn vào nhiều đợt khác nhau, có lần trả tiền ngay, có lần thì nợ lại, ông có sổ sách theo dõi (sổ theo dõi nợ của ông rất nhiều khách hàng, vì vậy ông cung cấp bản phô tô cho Tòa án), đến nay anh chị còn nợ tiền cám của gia đình ông là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Nay anh chị ly hôn, quan điểm ông là cho anh chị số tiền trên, ông không yêu cầu anh chị phải trả.

Anh Đinh Văn Cần trình bày: Khoảng năm 2020 anh Tuấn có đến nhà anh hỏi vay số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), anh Tuấn có nói là vay về để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thanh Sơn do trước đó vợ chồng vay để chăn nuôi, phát triển kinh tế. Khi anh Tuấn vay tiền thì không có giấy tờ, biên nhận gì, vì đều là anh em hàng xóm tin tưởng nhau, từ khi vay đến nay anh Tuấn chưa trả được khoản tiền nào cho anh. Nay vợ chồng anh Tuấn, chị Hiền ly hôn, quan điểm của anh Cần là vợ chồng anh Tuấn cùng phải có trách nhiệm trả khoản nợ đã vay là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), anh không yêu cầu vợ chồng phải trả lãi đối với số tiền trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Anh Tuấn và chị Hiền có xây dựng gia đình với nhau năm 2001, hai bên trình bày có làm thủ tục đăng ký kết hôn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án thì anh Tuấn, chị Hiền không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ, tài liệu chứng cứ liên quan đến việc kết hôn theo quy định. Tòa án cũng đã thông báo để anh chị giao nộp các tài liệu chứng cứ liên

quan đến việc kết hôn nhưng anh chị cũng không có giao nộp tài liệu chứng cứ gì. Tòa án đã xác minh về việc đăng ký kết hôn của anh Tuấn, chị Hiền tại UBND xã Võ Miếu, tuy nhiên theo kết quả xác minh thì năm 2001 anh Tuấn, chị Hiền không có tên trong sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Võ Miếu, vì vậy không có căn cứ gì để xác định anh Tuấn và chị Hiền có đăng ký kết hôn với nhau. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tuấn và chị Hiền thì hai bên cũng đã thừa nhận, xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, thực tế hôn nhân đã không còn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn. Về con chung: Cháu Hà Thị Huyền Chang, sinh ngày 28/11/2002 đã thành niên nên không xem xét giải quyết; giao cháu Hà Văn Kiên, sinh ngày 02/02/2006 cho anh Tuấn được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, chị Hiền không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Tuấn tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Khi ly hôn chị Hiền và anh Tuấn thống nhất đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn đều xác định vợ chồng không có, ly hôn anh chị không có đề nghị gì.

Về nợ chung: Anh Hà Văn Tuấn và chị Hà Thu Hiền xác định vợ chồng có các khoản nợ chung như sau: Tổng số tiền mà vợ chồng nợ là: 66.600.000đ (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, theo đó ông Bùi Văn Quy không yêu cầu vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn phải trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà Hà Ngọc Anh chỉ yêu cầu vợ chồng anh Tuấn, chị Hiền trả số tiền nợ 2.000.000đ (Hai triệu đồng), còn 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bà cho không yêu cầu phải trả. Như vậy tổng số tiền vợ chồng chị Hiền, anh Tuấn còn nợ phải trả là 63.600.000đ (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Khi ly hôn quan điểm của anh Tuấn, chị Hiền là mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên cho từng người, quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nhất, bà Anh, anh Cần đều yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả. Việc thống nhất trả nợ của vợ chồng anh Tuấn, chị Hiền là phù hợp với quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Chị Hiền, anh Tuấn mỗi người phải có trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ cho bà Nhất, chị Anh, anh Cần.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/6/2021 chị Hà Thu Hiền nộp đơn khởi kiện về việc Hôn nhân gia đình với anh Hà Văn Tuấn, đây là vụ án tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Văn Tuấn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng đã có bản tự khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục đăng ký kết hôn: Theo trình bày của chị Hiền và anh Tuấn thì năm 2001 anh chị có đến UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi làm thủ tục kết hôn được cán bộ xã (anh chị đều không nhớ tên, tuổi, chức vụ của người làm thủ tục đăng ký kết hôn tại thời điểm đó) cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng nay không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn nên không có chứng cứ chứng minh việc anh chị đăng ký kết hôn với nhau. Tòa án đã Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với anh Tuấn, chị Hiền để chứng minh việc kết hôn của hai vợ chồng, tuy nhiên anh chị không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã xác minh tại UBND xã Võ Miếu về việc đăng ký kết hôn của anh Tuấn và chị Hiền, theo kết quả xác minh ngày 09/8/2021 thì năm 2001 tại sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn của công dân trên địa bàn xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn không có tên anh Hà Văn Tuấn và chị Hà Thu Hiền làm thủ tục đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện ...”* và tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”*. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy chị Hiền và anh Tuấn không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[4] Về tình cảm và mâu thuẫn vợ chồng: Chị Hiền và anh Tuấn chung sống với nhau năm 2001. Sau khi tổ chức lễ cưới anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ

anh Tuấn tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, thời gian đầu tình cảm hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2008 được bố mẹ để anh Tuấn cho mượn đất để làm nhà ra ở riêng, độc lập về kinh tế. Tuy nhiên đến khoảng năm 2019 anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến bất đồng quan điểm, cách ăn ở và đối xử với nhau hàng ngày không được hòa thuận, thường xuyên xung đột, cãi chửi nhau, từ tháng 11 năm 2020 đến nay mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Hiền và anh Tuấn đều thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn, đã không còn chung sống một thời gian dài không ai còn quan tâm đến nhau, cả chị Hiền và anh Tuấn đều xác định không còn tình cảm với nhau. Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2001 tại khu hành chính xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ cũng xác định chị Hiền và anh Tuấn có mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, không tôn trọng nhau, thời gian dài mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Hiền và anh Tuấn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Việc chị Hiền xác định không thể duy trì cuộc sống chung với anh Tuấn là có cơ sở. Do không có căn cứ là anh chị có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về nuôi con chung: Chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn đều xác định có 02 con chung là cháu Hà Thị Huyền Chang, sinh ngày 28/11/2002 và cháu Hà Văn Kiên, sinh ngày 02/02/2006. Hiện nay cháu Chang đã thành niên, đi làm tự lo cuộc sống bản thân mình được, anh Tuấn, chị Hiền đều không có đề nghị gì đối với cháu Chang vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Kiên, anh Tuấn và chị Hiền thống nhất thỏa thuận với nhau là anh Tuấn được trực tiếp nuôi cháu Kiên đến khi thành niên, anh Tuấn tự nguyện không yêu cầu chị Hiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Hà Văn Kiên đang ở với anh Tuấn từ khi anh chị không còn chung sống là tháng 11 năm 2020, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, tại bản tự khai ngày 12/7/2021 nguyện vọng của cháu Kiên xin ở với bố. Bản thân chị Hiền cũng đồng ý để anh Tuấn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiên đến khi thành niên. Vì vậy cần giao con chung của anh chị là cháu Hà Văn Kiên cho anh Tuấn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với thực tế và đúng theo quy định pháp luật. Chị Hiền không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Tuấn tự nguyện không yêu cầu.



[6] Về tài sản chung: Chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn đều xác định anh chị có tài sản chung là: 01 ngôi nhà gỗ 3 gian, mái lợp pro xi măng, xây dựng khoảng năm 2007 hoặc 2008, nhà và công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi làm trên đất của bố mẹ để anh Tuấn cho mượn, hiện nay anh Tuấn đang ở, quản lý, sử dụng. Chị Hiền và anh Tuấn đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung của chị Hiền và anh Tuấn trong vụ án này.

[7] Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn đều xác định không có, ly hôn anh chị đều không có đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải về phần công nợ chung ngày 19/8/2021 xác định anh Tuấn, chị Hiền còn nợ của bà Nhất, bà Anh, anh Cần tổng số nợ là 63.600.000đ (Sáu ba triệu sáu trăm nghìn đồng), quan điểm của chị Hiền và anh Tuấn là các khoản nợ trên là nợ chung của anh chị thì cùng có trách nhiệm mỗi người trả một nửa số nợ trên cho từng người. Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nhất, bà Anh, anh Cần cũng đều nhất trí về việc thống nhất, thỏa thuận của chị Hiền và anh Tuấn về việc trả nợ, cụ thể mỗi người phải có trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên cho từng người. Về giấy nhận nợ đương sự không giao nộp được bản chính là có lý do chính đáng, khoản vay không có giấy biên nhận nhưng các đương sự đều đã thống nhất, không có mâu thuẫn gì. Hội đồng xét xử xét thấy việc thống nhất, thỏa thuận với nhau về số tiền còn nợ phải trả, phương thức trả của chị Hiền, anh Tuấn với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nhất, bà Anh, anh Cần là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, theo đó: Chị Hiền phải có trách nhiệm trả số tiền 8.300.000đ (Tám triệu, ba trăm nghìn đồng) cho bà Hà Thị Nhất, trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho bà Hà Ngọc Anh, trả số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Đinh Văn Cần. Anh Tuấn phải có trách nhiệm trả số tiền 8.300.000đ (Tám triệu, ba trăm nghìn đồng) cho bà Hà Thị Nhất, trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho bà Hà Ngọc Anh, trả số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Đinh Văn Cần. Bà Hà Ngọc Anh cho anh Tuấn, chị Hiền số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ông Bùi Văn Quy cho số tiền nợ là 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan điểm của kiểm sát viên là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Hà Thu Hiền phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thu Hiền và anh Hà Văn Tuấn.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Văn Kiên, sinh ngày 02/02/2006 cho anh Hà Văn Tuấn được trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi cháu thành niên. Chị Hiền không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Tuấn tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị Hà Thu Hiền không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về công nợ chung: Chị Hà Thu Hiền, anh Hà Văn Tuấn có nghĩa vụ trả nợ như sau:

Chị Hà Thu Hiền phải trả số tiền 8.300.000đ (Tám triệu, ba trăm nghìn đồng) cho bà Hà Thị Nhất; trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho bà Hà Ngọc Anh; trả số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Đinh Văn Cần.

Anh Hà Văn Tuấn phải trả số tiền 8.300.000đ (Tám triệu, ba trăm nghìn đồng) cho bà Hà Thị Nhất; trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho bà Hà Ngọc Anh; trả số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Đinh Văn Cần.

4. Về án phí: Chị Hà Thu Hiền phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Hiền đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0003560 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

*"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9*

*luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hiền và anh Tuấn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện, tỉnh;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã Võ Miếu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Vũ Quang Khải**